TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HS-ST
Ngày 29-04-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cử.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thi.

Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Linh Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại Phòng xử án hình sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2026/TLST - HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Đỗ Quang H, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2006 tại xã Q, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn G, xã Q, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Viết K, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1987; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2026 đến ngày 13/01/2026 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khởi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại theo quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang. Có mặt.

- *Bị hại*:

+ Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ dân phố F M, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố A M, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Ông Phạm Quang V, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ A, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

+ Chị Vũ Hoàng Mai T, sinh năm 2006; nơi cư trú: Tổ H, phường H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ B, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Đinh Thị Y, sinh năm 1975; chị Phùng Thị L, sinh năm 2003; bà Trần Thị T1, sinh năm 1984. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2025, Đỗ Quang H từ Hà Nội lên Tuyên Quang chơi với bạn gái là Vũ Hoàng Mai T, sinh năm 2006, HKTT: thôn V, xã Q, thành phố Hà Nội; tạm trú: tổ H phường H, tỉnh Tuyên Quang, Sinh viên đại học S, phân hiệu Hà Giang. Đến khoảng 19 giờ ngày 03/01/2026, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên H đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền. H sử dụng 01 (Một) xe mô tô BKS: 23M1-016.44, nhãn hiệu HONDA VISION, màu vàng đen của T đi xung quanh địa bàn phường H, tỉnh Tuyên Quang. Khi đến trục đường B, phường H, tỉnh Tuyên Quang, H dựng xe mô tô vào một ngõ nhỏ để đi bộ với mục đích đi tìm tài sản để lấy trộm. H đi theo trục đường L, khi đến số nhà F, thuộc tổ F M, phường H thì phát hiện có 01 (Một) chiếc xe đạp điện BKS 29MĐ2-712.30, nhãn hiệu YADEA, màu sơn trắng – đen (Là xe của ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1966, HKTT: Tổ F M, phường H, tỉnh Tuyên Quang), dựng trước cửa nhà, không có ai trông coi, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện của xe. H tiến lại gần rồi ngồi lên xe, sau đó nổ máy đi theo trục đường L, rẽ lên đường Trần P và đi về phường H. Khi đến khu vực tổ A, phường H, tỉnh Tuyên Quang thì thấy có 01 (Một) cửa hàng mua bán xe đạp điện của anh Phạm Quang V, sinh năm 1973, trú tại tổ A, phường H, tỉnh Tuyên Quang. H vào cửa hàng, bán chiếc xe với giá 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) cho anh V, hai bên có lập giấy tờ mua bán xe. Sau khi bán được chiếc xe đạp điện, H đi bộ quay về đường B để lấy xe mô tô BKS 23M1-016.44 của T đi về. Khi đi qua cửa hàng sửa chữa điện thoại di động của anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1980, trú tại số nhà I, tổ A M, phường H, tỉnh Tuyên Quang, lúc này khoảng 20 giờ, thấy nhà Đ khoá cửa nên H nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại di động trong cửa hàng để mang đi bán. Do trước đây, H đã từng mua điện thoại tại cửa hàng nên H có số điện thoại của vợ Đ là chị Trần Thị T1, sinh năm 1984, H sử dụng 01 (Một) chiếc điện thoại di động Infinix, màu xanh, có gắn sim số 0352263920 của mình gọi điện cho chị T1 để hỏi xem có ai ở nhà hay không. Được chị T1 cho biết hiện tại không có ai ở nhà, H liền đi đến trước cửa hàng W trên trục đường T, thuộc tổ E M, phường H, tỉnh Tuyên Quang, cách nhà Đ khoảng 100 mét để mượn 01 (Một) chiếc thang nhôm màu bạc của chị Phùng Thị L, sinh

năm 2003, HKTT: Tổ G Q, phường H, tỉnh Tuyên Quang (là nhân viên cửa hàng). Sau khi mượn được thang, H xách thang đến phía ngoài tường nhà Đ, đặt thang lên tường sau đó trèo lên thang, đu qua lan can tầng 2 trèo vào nhà, rồi tiếp tục đi xuống tầng 1, vào gian phòng ngủ lấy 03 (Ba) chiếc điện thoại di động, bao gồm: 01 (một) chiếc iPhone 12 Pro max (128 GB), màu vàng; 01 (một) chiếc iPhone 12 (128 GB), màu trắng; 01 (một) chiếc iPhone 11 Pro max (64 GB), màu xám. H cho 03 (Ba) chiếc điện thoại vào túi áo khoác rồi đi lên tầng 2, ra lan can, trèo thang đi xuống. Khi đang xuống thang thì có chị Đinh Thị Y người nhìn thấy nhưng không biết H đang làm gì. Cho rằng đã bị phát hiện, H gấp thang xách đi theo vòng qua phía sau nhà Đ rồi mang thang trả cho cửa hàng W. Sau đó, H đi quanh phường H để tìm chỗ bán điện thoại, nhưng chưa bán được. Do lo lắng vì đã lấy trộm nên H gọi cho T1 hỏi xem có ai về nhà chưa, được T1 cho biết đã về nhà và yêu cầu H quay lại để nói chuyện. Biết bị phát hiện, H đi về nhà T1 mục đích để trả điện thoại, trên đường về thì bị lực lượng công an mời lên trụ sở làm việc. H thừa nhận hành vi trộm cắp và giao nộp 03 (Ba) chiếc điện thoại di động. Đối với số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) do H bán chiếc xe đạp điện mà có, H khai nhận trong quá trình di chuyển đã làm rơi mất số tiền này.

Tại kết luận định giá tài sản 01/KL-HĐĐGTS, ngày 09/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) IPhone 12 Pro max (128 GB), màu vàng, có giá trị tại thời điểm định giá là: 10.000.000đ (Mười triệu đồng); 01 (một) IPhone 12 (128 GB), màu trắng, có giá trị tại thời điểm định giá là: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); 01 (một) IPhone 11 Pro max (64 GB), màu xám, có giá trị tại thời điểm định giá là: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); 01 (một) xe đạp điện biển kiểm soát: 29MĐ2-712.30, nhãn hiệu YADEA, màu sơn: Trắng – đen, có giá trị tại thời điểm định giá là: 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H đã trộm cắp được sau khi định giá là: 25.900.000đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng)

Quá trình điều tra đã tiến hành thu giữ và xử lý các vật chứng sau: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Tuyên Quang để quản lý theo quy định của pháp luật đối với: 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh, phía sau có ghi chữ Infinix, gắn sim Viettel số thuê bao 0352263920 của Đỗ Quang H;

Đối với các vật chứng, gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 11 Promax 64GB, màu xám;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 12 Promax 128GB, màu vàng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 11 Promax 64GB, màu trắng;

- 01 (một) chiếc xe đạp điện biển kiểm soát: 29MĐ2-712.30, nhãn hiệu YADEA, màu sơn: Trắng – đen;

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát: 23M1-016.44 loại xe Vision màu vàng đen;

- 01 (một) chiếc thang màu bạc bằng kim loại;

Sau khi làm rõ nguồn gốc các tài sản trên, xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ, căn cứ vào đơn xin lại tài sản của các chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho chủ sở hữu để quản lý, sử dụng.

Về phần dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về phần dân sự. Bị cáo Đỗ Quang H đã tự nguyện nhờ gia đình trả lại số tiền 1.600.000 đồng cho ông Phạm Quang V.

Cáo trạng số: 37/CT-VKSKV4 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân Khu vực 4 – Tuyên Quang. Quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Quang H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo H đã khai nhận tối ngày 03/01/2026 bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện và 03 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản xác định hiện trường; sơ đồ và bản ảnh hiện trường; biên bản xác minh và các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

- Trong giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn H1 đã nhận lại toàn bộ tài sản do bị cáo H trộm cắp và tự thỏa thuận về phần bồi thường dân sự đối với bị cáo. Không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quang V, bà Hoàng Thị H2, chị Vũ Hoàng Mai T cũng đều đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tuyên Quang thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo. Đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Quang H từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Q, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Áp

dụng Điều 125 BLTTHS, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, do vậy, Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 *(Một)* chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh, phía sau có ghi chữ Infinix, gắn sim Viettel số thuê bao 0352263920.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong giai đoạn điều tra đã tự nguyện thỏa thuận xong việc bồi thường thiệt hại nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", đề nghị tuyên bị cáo Đỗ Quang H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Xét thấy Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, không bào chữa, không tranh luận, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Đỗ Quang H thành khẩn nhận tội, ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có lời khai ổn định tại giai đoạn điều tra và đều có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện đầy đủ ý kiến nên việc vắng mặt không ảnh hưởng tới việc xét xử. Do vậy, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Quang H đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của các bị hại, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ, ngày 03/01/2026, bị cáo Đỗ Quang H đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) chiếc xe đạp điện; 03 (Ba) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, bao gồm: 01 (một) chiếc Iphone 12 Pro max; 01 (một) chiếc Iphone 12; 01 (một) chiếc Iphone 11 Pro max với mục đích mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị các tài sản bị cáo H đã trộm cắp sau khi định giá là: 25.900.000đ (*Hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng*) do đó hành vi phạm tội của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

..."

[5] Xét về tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của công dân mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hại cho xã hội nhưng vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lén lút, lợi dụng sự sở hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của bị hại để trộm cắp tài sản của các bị hại.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đỗ Quang H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Quang H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngay sau khi tội phạm xảy ra bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường đối với các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời các bị hại cũng có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Sau khi xem xét Hội đồng xét xử xét thấy phần nhận định tại đoạn [7] đã nhận định bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo H là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo về địa phương cũng đủ sức răn đe, giáo dục thể hiện sự nhân đạo của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo được phấn đấu, học tập, lao động trong môi trường xã hội bình thường, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đỗ Quang H theo quy định tại Điều 125 của BLTTHS.

[9] Bị cáo Đỗ Quang H là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung, hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về phần dân sự: Trong giai đoạn điều tra bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận xong phần bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa và đơn xin xét xử vắng mặt những người này cũng không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh, phía sau có ghi chữ Infinix, gắn sim Viettel số thuê bao 0352263920 là tài sản của bị cáo H. Trước khi nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà anh Đ, H đã gọi điện cho chị T1 (vợ anh Đ) để hỏi mang tính chất thăm dò chắc chắn xem có ai ở nhà không, khi được chị T1 trả lời không có ai ở nhà nên bị cáo H mới thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy qua quá trình điều tra và quá trình thẩm tra tại phiên tòa xác định đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Đối với những vật chứng là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 11 Promax 64GB, màu xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 12 Promax 128GB, màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 11 Promax 64GB, màu trắng, 03 chiếc điện thoại có đặc điểm trên là điện thoại đã qua sử dụng do anh Đ mua để sửa chữa mục đích bán lại cho khách hàng; 01 chiếc xe đạp điện biển kiểm soát: 29MĐ2-712.30, nhãn hiệu YADEA, màu sơn: Trắng – đen, qua xác minh nguồn gốc tài sản chiếc xe đạp điện có đặc điểm trên là của chị Trần Thị T2, địa chỉ Tổ C L, H, Hà Nội do ông H1 mua lại vào khoảng tháng 9/2025 với giá 5.500.000 đồng (BL 74c); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát: 23M1-016.44 loại xe Vision màu vàng - đen, qua xác minh nguồn gốc tài sản chiếc xe mô tô có đặc điểm trên của chị Hoàng Thị H2 (mẹ đẻ của T) là chủ sở hữu, địa chỉ xã Y, tỉnh Tuyên Quang, do T thuê nhà trọ xa trường học nên chị H2 cho T chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại phục vụ học tập (BL 74b); 01 (một) chiếc thang màu bạc bằng kim loại (là tài sản của cửa hàng W thuộc tổ E M, phường H, tỉnh Tuyên Quang). Những vật chứng trên trong giai đoạn điều tra đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho

chủ sở hữu hợp pháp theo đúng quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Những tình tiết khác có liên quan đến vụ án: Đối với ông Phạm Quang V là người mua chiếc xe đạp điện BKS: 29MĐ2-712.30, nhãn hiệu YADEA, màu sơn trắng – đen từ bị cáo Đỗ Quang H, quá trình điều tra xác định, ông V không biết chiếc xe đạp điện là do bị cáo H phạm tội mà có. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với ông Phạm Quang V.

[13.1] Đối với chị Vũ Hoàng Mai T: Do bị cáo Đỗ Quang H mượn chiếc xe mô tô BKS 23M1-016.44 của T để đi lại. Tuy nhiên, việc bị cáo H sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì T hoàn toàn không biết. Do vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Vũ Hoàng Mai T.

[13.2] Đối với Phùng Thị L (Nhân viên cửa hàng W): L chỉ biết bị cáo Đỗ Quang H đi xe đến và mượn chiếc thang. Tuy nhiên, bị cáo H mượn thang đi đâu, làm gì L cũng không biết. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý đối với Phùng Thị L.

[14] Về án phí: Bị cáo Đỗ Quang H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đỗ Quang H.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc gám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, phía sau có ghi chữ Infinix, gắn sim viettel số 0352263920, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong của máy (tang vật thu giữ của Đỗ Quang H).

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Tuyên Quang ngày 03/4/2026).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Buộc bị cáo Đỗ Quang H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2026). Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 4-Tuyên Quang;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Q;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hs, HSTHA, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cử